

Số: 1793/2022/QĐST-HC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH**

- Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 30, Khoản 5 Điều 38, Điều 116, Điểm đ Khoản 1 Điều 123, Điểm g Điểm h Khoản 1 Khoản 2 Khoản 3 Điều 143, Điều 144, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 171/2022/TLST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Xét Đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 bà Đỗ Thị P1 yêu cầu hủy Quyết định 8813/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Văn bản số 2633/UBND-NCPC ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp:

- Biên bản trao quyết định ngày 03/12/2015, thể hiện: Bà Đỗ Ngọc P2 (đại diện ủy quyền của bà Đỗ Thị P1 - theo Giấy ủy quyền số 026826 ngày 10/12/2014 tại Văn phòng công chứng huyện Z) đồng ý nhận Quyết định 8813/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z.

- Thông báo 1019/TB-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z, thể hiện: “*Ủy ban nhân dân huyện Z yêu cầu: Bà Đỗ Thị P1 tự nguyện thi hành Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (thời gian thực hiện là 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo này). Ủy ban nhân dân xã X thực hiện niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã X trong thời hạn 10 ngày làm việc.*”

- Biên bản làm việc ngày 23/3/2017 của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Z: Tổ chức thực hiện Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trao Thông báo 1019/TB-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Z.

Căn cứ Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: “*01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc*”. Có cơ sở xác định: Bà Đỗ Thị P1 yêu cầu

hủy Quyết định 8813/QĐ-UBND ngày 19/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z, Quyết định số 5557/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc trường hợp thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Xét Văn bản số 2633/UBND-NCPC ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện: “*Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến chỉ đạo như sau: Giao Ủy ban nhân dân huyện Z ký hợp đồng cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp (thu tiền thuê đất hằng năm) với hộ gia đình bà Đỗ Thị P1 theo nhu cầu sử dụng của hộ bà P1, trong diện tích 16.299m² bà P1 khiếu nại trên*”. Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính quy định khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định, hành vi sau đây: “*Quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức*”. Có cơ sở xác định: Văn bản số 2633/UBND-NCPC ngày 02/7/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là văn bản hành chính nội bộ.

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 123 và Điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính: Đình chỉ giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 171/2022/TLST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”, giữa:

Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị P1, sinh năm 1940.

Địa chỉ: 66 đường 36 tổ 11, Ấp T, xã C, huyện Z Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: A11/4A Đường 385, KA, Thành phố V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 86 LT, phường BB, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn Z, huyện Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

2.1 Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án này nếu việc khởi kiện không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ các trường hợp bị đình chỉ theo quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều 123, điểm b và

điểm đ khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính và trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.2 Án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bà Đỗ Thị P1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002573 ngày 05/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Tòa án trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ cho đương sự nếu có yêu cầu.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thụy Xuân Vinh